



1985:
Icarus hạ cánh

1.

Sau khi đi bộ hai dặm, y gặp một thị trấn. Ở rìa ngoài là tấm biển đề Haneyville; Dân số 1.400. Một số lượng vừa vặn, ổn thỏa. Trời vẫn còn sớm. Để cuộc bộ hai dặm y đã chọn đi vào buổi sáng, vì trời sẽ mát mẻ hơn... và vì bấy giờ chưa có ai xuống phố. Y đi qua mấy ô phố trong ánh sáng tù mù, xáo động vì sự lạ lẫm, căng thẳng và có phần hoảng hốt. Y cố không nghĩ tới điều y sắp thực hiện. Y đã nghĩ về điều đó đủ lắm rồi.

Trên con phố chính không lớn mấy, y tìm thấy thú mình cần, tại một cửa hiệu nhỏ tên Hộp Châu Báu. Ở góc phố gần đó có một băng ghế gỗ xanh lục, y bước tới, ngồi xuống ghế, thân mình y ê ẩm vì chuyển đi bộ dài.

Vài phút sau y trông thấy một nhân loại.

Một người nữ, một người đàn bà bơ phờ trong bộ áo dài màu lam dị dạng, lê bước ngược lên phố về phía y. Y vội vã dời mắt, sững người. Cô ta trông không đúng lắm. Y cứ tưởng nhân loại sẽ cùng một kích cỡ với y, nhưng người này thấp hơn y hẳn một cái đầu. Sắc diện cô ta hồng hào hơn y đã hình dung, da sẫm hơn. Và về ngoài, cái cảm giác toát ra, thật lạ lẫm... dù y đã biết

trông thấy một nhân loại trực tiếp sẽ không giống như xem qua màn ảnh.

Phố xá dần đông người và toàn thể họ nhìn chung giống với nhân loại đầu tiên mà y gặp. Y nghe tiếng một người đàn ông nhận xét, trong lúc đi ngang qua, "... như tó bảo đấy, người ta chẳng còn làm ra thú ô tô như thế nữa," và mặc cho lối phát âm kì quặc, không rõ ràng như y những tưởng, y vẫn có thể hiểu được dễ dàng.

Có mấy người nhìn y chòng chọc, vài người trông đáng ngờ, nhưng không làm y nghi ngại. Y hi vọng sẽ không bị ai rầy rà và thấy vững dạ sau khi đã quan sát những người khác. Y cho rằng bộ quần áo y mặc sẽ giúp qua mắt họ.

Khi hiệu trang sức mở cửa, y chờ mười phút rồi mới bước vào. Sau quầy là một người đàn ông thấp, mập mạp, vận một cái áo màu trắng, cổ buộc cao, đang quét bụi trên các kệ. Ông ta ngừng tay, nhìn y một chốc, cái nhìn toát lên chút ít quái lạ, và nói, "Thưa ông?"

Y thấy mình quá cao, y thấy thật lúng túng. Đột nhiên y quá sức hãi hùng. Y mở miệng định nói. Chẳng nói được tiếng nào. Y cố gắng mỉm cười, mặt y cứng ngắc. Y cảm thấy, sâu bên trong mình, nỗi hoảng loạn đang trôi dạt, trong một thoáng y nghĩ mình sắp ngất đi.

Người đàn ông nọ vẫn nhìn y chòng chọc, cái nhìn như cố định, bất biến. "Thưa ông?" Ông ta lặp lại.

Bằng một nỗ lực phi thường, y mới thốt lên. "Tôi... tôi muốn hỏi xem liệu ông có hứng thú với... chiếc nhẫn này không?" Không biết bao nhiêu lần y đã phác ra trong đầu câu hỏi vô hại ấy, rồi không ngừng lặp đi lặp lại với chính mình. Vậy mà giờ đây từng tiếng vang

lên dị hợm trong tai y, như một tập hợp lỗ bịch những âm tiết vô nghĩa.

Người đàn ông nọ vẫn đang nhìn y chòng chọc. "Nhẫn thế nào?" Ông ta hỏi.

"Chắc." Không biết nhờ đâu mà y vẫn được một nụ cười. Y rút chiếc nhẫn vàng đeo ở bàn tay trái, đặt lên quầy, e ngại chạm phải tay ông ta. "Tôi... đang lái xe ngang qua thì xe hỏng. Xe đỗ ngoài đường lớn, cách đây vài dặm. Tôi hết nhẫn tiền, tôi nghĩ có khi bán được nhẫn. Chiếc nhẫn này khá được giá."

Người đàn ông lật tới lật lui chiếc nhẫn bằng hai tay, ngắm soi với một vẻ ngờ vực. Cuối cùng ông ta hỏi, "Ở đâu ông có thứ này?"

Giọng điệu ông ta khiến cổ họng y thít lại, thò không ra. Có gì sai trật rồi chẳng? Màu sắc của vàng ư? Hay viên kim cương có vấn đề gì? Y gắng sức mỉm cười lần nữa. "Vợ tôi đưa đấy. Hồi mấy năm trước."

Mặt ông ta vẫn sầm sầm. "Làm sao tôi biết đây không phải đồ trộm cướp?"

"Ôi." Y thấy như vừa được tha bổng. "Tên tôi khắc trên nhẫn." Y lôi ví trong túi áo ra. "Và tôi có giấy tờ tùy thân." Y rút cuốn hộ chiếu, đặt lên quầy.

Người đàn ông ngó chiếc nhẫn, đọc to, "T. J. Marie Newton tặng, Kỷ niệm, 1982," và "Vàng 18 K." Ông ta để chiếc nhẫn xuống, nhắc cuốn hộ chiếu lên, lật xem. "Người Anh à?"

"Phải. Tôi làm thông dịch cho Liên Hiệp Quốc. Lần đầu tiên tôi du ngoạn ở chốn này. Muốn xem thủ xú này ra sao."

"Hừmm," người đàn ông trầm ngâm, rồi lại xem cuốn hộ chiếu. "Tôi nghe ông nói giọng địa phương."

Xem tới chỗ ô dán ảnh ông ta đọc: “Thomas Jerome Newton.” Và rồi, lại sẫm soi lần nữa. “Không có gì để hỏi thêm. Đây là ông, được rồi.”

Y lại mỉm cười, lần này nụ cười đã nhẹ nhõm hơn, thành thật hơn, dù y vẫn cảm thấy choáng váng, lạ lẫm... Luôn luôn tồn tại một sức nặng kinh khiếp nơi thân thể y, sức nặng được sản sinh bởi trọng lực nặng tựa chì của chốn này. Nhưng y vẫn xoay xở để nói được một cách tự nhiên: “Vậy thì, ông có hứng thú mua chiếc nhẫn này không?”

Y được trả sáu mươi đô la cho chiếc nhẫn, và y biết người ta gạt mình. Nhưng giờ đây thứ y có trong tay giá trị với y nhiều hơn là chiếc nhẫn, nhiều hơn là hàng trăm chiếc nhẫn giống vậy mà y giữ bên mình. Giờ đây y đã khởi sự được lòng tin ở chính mình, và y đã có tiền.

Y dùng một phần tiền mua nửa cân¹ thịt xông khói, sáu quả trứng, bánh mì, mấy củ khoai tây, một ít rau... Toàn bộ thực phẩm nặng cả thấy muối cân, chùng đó thì y mang vác nổi. Dăm ba kẻ tò mò ngó nghiêng y, nhưng không ai hỏi gì, mà y cũng không tình nguyện lên tiếng. Chẳng cần phải bận tâm, y sẽ không trở lại thị trấn thuộc bang Kentucky này nữa.

Khi rời thị trấn, y thấy đã khá khỏe, mặc cho vẫn còn đó sức nặng và cơn đau trong từng khớp xương và trên tấm lưng y, bởi lẽ y đã hoàn thành bước thứ nhất. Y đã khởi sự được, giờ đây y đã có trong tay món tiền Mỹ đầu tiên. Nhưng tới lúc đi khỏi thị trấn được một dặm đường, băng qua một cánh đồng tro trụi, hướng

1. Cân Anh, hay *pound*, một cân Anh nặng khoảng 0,45 kí-lô-gam.

về phía những ngọn đồi thấp nơi y đã hạ trại, hết thấy đột nhiên ập xuống y bằng một đòn chấn kinh chí mạng... Sự lạ lẫm, nhận thức bị đe dọa, nỗi đau đớn và bồn chồn bên trong thân thể... Y ngã lăn ra đất và nằm đó, thể xác và tâm trí y gào thét phản kháng sự cuồng bạo đang trút xuống, sự cuồng bạo đến từ cái chốn ngoại lai, xa lạ và cách biệt nhất trong toàn thấy các nơi chốn này.

Y phát ốm: Phát ốm vì cuộc hành trình dài và hung hiểm mà y đã trải qua, phát ốm vì mọi thứ thuốc men... thuốc viên, thuốc tiêm, thuốc hít... phát ốm vì lo âu, vì dự đoán nguy cơ, và phát ốm tột độ vì gánh nặng kinh khiếp đến từ sức nặng của chính y. Nhiều năm qua y đã biết rằng khi thời cơ đến, khi sau cùng y sẽ hạ cánh để bắt tay thực hiện kế hoạch trường kì, phúc tạp này, y sẽ cảm thấy điều gì đó như bây giờ đây. Nơi chốn này, bất kể y đã nghiên cứu nhiều đến đâu, bất kể y đã diễn tập phần mình bao nhiêu lần đi nữa, vẫn khiến y thấy xa lạ khủng khiếp, cảm giác ấy, mà giờ đây y đang nhận thức, là cảm giác bị chế ngự. Y nằm xuống cỏ và cảm thấy ốm nặng.

Y không phải nhân loại, nhưng rất giống nhân loại. Y cao gần hai mét, có những nhân loại thậm chí còn cao hơn, tóc y trắng như bị bệnh bạch tạng, nhưng da mặt y lại rám râm, hai mắt y xanh lơ. Thân hình y gầy gò một cách khác thường, các đường nét mảnh khảnh, các ngón tay y thon dài, làn da y nhò nhò, không có lông. Mặt y phẳng phất vẻ ma quái, cặp mắt to minh mẫn, ánh mắt trong trẻo như một đứa bé, mái tóc trắng, xoăn của y giờ đã mọc quá tai. Y trông như rất trẻ.

Tất nhiên cũng có những điểm khác biệt: Móng tay y, chẳng hạn, là móng giả, bởi lẽ y không có sẵn thứ ấy.

Mỗi bàn chân y chỉ có bốn ngón, y không có ruột thừa và không có răng khôn. Y không biết nấc là gì, bởi lẽ cơ hoành của y, cùng với phần còn lại của bộ máy hô hấp, cực kì vững chãi, đã tiến hóa cao độ. Lồng ngực y giãn nở được trên dưới năm tấc. Y nặng chẳng bao nhiêu, tầm bốn mươi mốt kí.

Dù vậy y có lông mi, lông mày, ngón cái tách với các ngón còn lại trên bàn tay, thị giác phối hợp hai mắt, và cả nghìn đặc điểm sinh lí của một nhân loại bình thường. Y không bao giờ nổi mụn cóc, nhưng có thể bị loét dạ dày, sỏi và sâu răng. Y là người, mà không, chính xác hơn, y là một người đàn ông. Hơn nữa, cũng như con người, y miễn cảm với tình yêu, nỗi sợ, với nỗi đau thể xác mãnh liệt và với nỗi sầu tui.

Sau nửa giờ y thấy đỡ hơn. Bụng y vẫn nhộn nhạo, đầu nặng trĩu như không nhắc dậy nổi, nhưng y cảm giác được con khủng hoảng đầu tiên đã qua rồi, y bắt đầu nhìn thế giới xung quanh một cách công tâm hơn. Y ngồi dậy trên cánh đồng và phóng mắt tới tận bìa bên kia. Đó là một đồng cỏ đù hiu, nhếch nhác, với những khoảnh đất nhỏ mọc lên thú cỏ úa, cỏ chổi, những khoảnh tuyết tan lóng lánh đang đông cứng trở lại. Không khí khoáng đãng và bầu trời âm u, qua đó ánh sáng khuếch tán ra dịu dịu, không làm nhói mắt y như thú nắng mặt trời chói lòa của hai hôm trước. Phía bên kia những lùm cây trơ trụi, tối tăm bao quanh rìa cái ao là một ngôi nhà nhỏ với nhà kho. Xuyên qua đám cây, y có thể thấy được nước trong ao, cảnh tượng ấy khiến y nín thở vì choáng ngợp. Y đã thấy cảnh như vậy trước đó rồi, trong hai ngày trên địa cầu này, thế mà y vẫn không sao quen nổi. Lại là một thú y đã biết trước nhưng vẫn chấn động khi nhìn

tận mắt. Y biết, hiển nhiên, về những đại dương mênh mông, về những hồ, những sông, y biết về những thú ấy từ thuở bé thơ, nhưng hình ảnh nước ngập chiếc ao con ngoài đời thực vẫn khiến y rợn ngợp.

Rồi y bắt đầu nhận ra một cái gì đẹp đẽ trong sự xa lạ của cánh đồng này. Hoàn toàn khác biệt với những gì y đã được dạy dỗ, cũng như với rất nhiều điều của thế giới này, y vừa mới khám phá ra thôi... giờ đây y thấy thích thú với những kết cấu và màu sắc lạ lùng quanh y, với những mùi hương và cảnh trí mới lạ. Với cả những âm thanh, bởi lẽ tai y rất thính, y nghe được nhiều tiếng động thú vị và dị kì trong cỏ, đủ thú tiếng lách cách, sột soạt của những con côn trùng đã sống sót qua tiết trời giá lạnh đầu tháng Mười Một, và thậm chí, giờ đây đầu kê sát đất, y nghe được những tiếng rì rầm mơ hồ, xa vắng của chính quả đất này.

Đột nhiên trong không trung vang lên tiếng đập cánh, những đôi cánh đen vút lên cao, rồi có tiếng rít thê thiết, một tá quạ bay bên trên, vụt qua cánh đồng. Người con Anthea dõi mắt theo mãi tới khi lũ chim xa khuất, rồi y mỉm cười. Sau cùng, có lẽ nơi này sẽ là một thế giới đẹp đẽ...

Y hạ trại ở một vị trí rộng rãi và thoáng mát, mà y đã chọn rất cẩn thận... Một vùng mỏ than bỏ hoang ở phía Đông Kentucky. Chẳng có thú gì trong vòng vài dặm quanh đó, trừ mặt đất trơ trụi, những khoảnh đất nhỏ mọc lên thú cỏ chổi héo úa, và những mỏm đá đen đặc bờ hóng. Gần một trong những mỏm đá nọ là túp lều quét hắc ín của y, khó mà thấy được trên nền đá. Túp lều

ấy màu xám và được làm từ một chất gì như vải cotton sợi chéo.

Y gần như kiệt sức khi tới được đó, phải nghỉ cho lại sức vài phút trước khi mở bao tải lấy thức ăn. Y làm việc ấy cẩn thận, tay đeo đôi găng mỏng trước khi chạm vào những gói hàng, sau đó xếp chúng lên chiếc bàn gấp nhỏ. Từ bên dưới bàn y rút ra một mớ dụng cụ, đặt bên cạnh những thứ y đã mua ở Haneyville. Y nhìn một lúc mớ trứng, khoai tây, cần tây, củ cải, gạo, đậu, dổi và cà rốt. Y thoáng cười nhẹ, với chính y. Những thứ thức ăn này trông có vẻ vô hại.

Rồi y cầm lên một trong các dụng cụ nhỏ bằng kim loại, cắm một đầu vào củ khoai tây, và bắt đầu quá trình phân tích định tính...

Ba tiếng sau y ăn củ cà rốt, ăn sống, và ngoạm thử một miếng củ cải, thứ này khiến lưỡi y bỏng rát. Các thức ăn này ổn... xa lạ cục độ, nhưng ổn với y. Rồi y nhóm lửa và luộc trứng với khoai tây. Món dổi thì y đem vùi xuống đất... y phát hiện nó chứa các axit amin mà y không rõ. Nhưng không có gì gây hại cho y, trừ vi khuẩn vẫn thường trực trong các thức ăn khác. Đúng như họ đã đoán trước. Y thấy khoai tây ăn ngon, dù toàn là tinh bột.

Y thấy rất mệt. Dù vậy, trước khi ngã lưng nghỉ ngơi, y đi ra ngoài xem xét chỗ y đã phá hủy các thiết bị và động cơ của chiếc phi thuyền một người lái của mình cách đây hai ngày, tức là ngày đầu tiên y đáp xuống trái đất.

2.

Tiếng nhạc là bản *Ngũ tấu cho kèn clarinet và dàn nhạc dây cung La trưởng* của Mozart. Ngay trước nhịp *allegretto*² sau chót, Farnsworth đã điều chỉnh thanh âm trầm trên âm li và hơi tăng âm lượng lên. Rồi ông ta nặng nề gieo mình vào chiếc ghế bành bọc da. Ông thích nghe nhịp *allegretto* với những họa âm có âm trầm hùng hồn, những họa âm ấy cho tiếng kèn clarinet một sự cộng hưởng dường như có một hàm nghĩa gì. Ông ta nhìn chằm chằm bức màn cửa sổ, khung cửa trông xuống Đại lộ số Năm, đan những ngón tay mập mạp vào nhau, và thưởng thức bản hòa nhạc.

Khi nhạc đã ngừng và cuốn băng tự động tắt, ông ta nhìn về phía ngưỡng cửa thông ra văn phòng bên ngoài, trông thấy chị hầu gái đang đứng đó, nhẩn nại, chờ chủ. Ông liếc sang chiếc đồng hồ bằng sứ trên bệ lò sưởi, cau mày. Rồi ông ta nhìn chị này và hỏi: “Sao thế?”

“Một ông Newton nào đó đến nhà, thua ông.”

“Newton nào?” Ông ta không quen tên Newton giàu có nào cả. “Hắn muốn gì?”

2. Hay “nhịp hơi nhanh”, nhanh hơn nhịp *andante* nhưng không nhanh bằng nhịp *allegro*.